

DANH SÁCH THÍ SINH DỰ THI**Kỳ thi:** Đánh giá năng lực Tiếng Anh (trình độ tương đương B1)**Phòng thi:** P.Chờ E401**Môn thi:** Kỹ năng nói**Ca thi:** 13h00**Ngày thi:** 21/04/2022

TT	SBD	Họ	Tên	Năm sinh	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
1	TA0042	Chu Văn	An	12/09/1999			
2	TA0043	Nguyễn Trường	An	16/03/1999			
3	TA0044	Chu Văn	Anh	06/06/1999			
4	TA0045	Đỗ Hoài	Anh	13/10/1999			
5	TA0046	Doãn Tuấn	Anh	12/10/1999			
6	TA0047	Hoàng Thị Lan	Anh	16/09/1999			
7	TA0048	La Tu	Anh	20/11/1999			
8	TA0049	Nguyễn Hải	Anh	15/09/1999			
9	TA0050	Nguyễn Lan	Anh	29/10/1999			
10	TA0051	Phạm Minh	Anh	01/07/1999			
11	TA0052	Nguyễn Thị	Ánh	25/07/1999			
12	TA0053	Đinh Gia	Bách	15/01/2000			
13	TA0054	Vũ Trọng	Bách	06/09/2000			
14	TA0055	Thái Vĩnh	Bảo	18/12/1998			
15	TA0056	Nguyễn Thị	Bích	26/07/2000			
16	TA0057	Nguyễn Thị Ngọc	Bích	19/05/2000			
17	TA0058	Dương An	Bình	20/01/1999			
18	TA0059	Vũ Thị Thanh	Bình	30/11/1999			
19	TA0060	Trương Minh	Châu	13/06/1999			
20	TA0061	Bùi Văn	Chiến	20/02/1999			
21	TA0062	Đinh Văn	Chiến	08/10/1999			
22	TA0063	Nguyễn Thị	Chinh	17/07/1999			
23	TA0064	Nguyễn Thị Lan	Chinh	14/06/1999			
24	TA0065	Đỗ Đức	Chính	02/06/1999			

25	TA0066	Ngô Văn	Chính	23/08/2000			
26	TA0067	Đặng Thành	Công	06/09/1999			
27	TA0068	Nguyễn Kim	Cương	28/04/1999			
28	TA0069	Đỗ Mạnh	Cường	18/12/1999			
29	TA0070	Lê Văn	Cường	03/11/1999			
30	TA0071	Lương Văn	Cường	21/11/1999			
31	TA0072	Mai Quốc	Cường	10/08/1999			

Tổng số thí sinh theo danh sách:Tổng số thí sinh có mặt:.....

Tổng số bài thi:.....Tổng số tờ giấy thi:.....

Cán bộ coi thi thứ nhất
(ký ghi rõ họ tên)

Cán bộ coi thi thứ hai
(ký ghi rõ họ tên)